

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 98/2022/HNGĐ-ST

Ngày 26 - 9 -2022

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm

2. Bà Nguyễn Kim Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 612/2022/TLST-HNGĐ ngày 16/6/2022 về việc: “ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1986, hộ khẩu thường trú: Khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh B, chỗ ở hiện nay: Khu phố 3, phường M, thị xã B, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Ông Đoàn Thanh S, sinh năm 1984, hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh A, tạm trú: Khu phố 3, phường M, thị xã B, tỉnh B.

Bà B có mặt, ông S vắng mặt không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 14/6/2022, bản tự khai và lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B trình bày:

Về hôn nhân: Bà B và ông S có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh B vào ngày 04/11/2015. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc và cùng cư trú tại khu phố 3, phường M,

thị xã B, tỉnh B. Sau đó, nảy sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung, ông S không có trách nhiệm với vợ con, không phụ giúp bà B kinh tế, không chăm lo cho gia đình. Vợ chồng đã ly thân khoảng 01 năm không còn quan tâm, chăm sóc nhau.

Mâu thuẫn giữa bà B và ông S kéo dài đã lâu, ông S cố tình không lên Tòa án tham gia tố tụng, bà B không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho bà B được ly hôn với ông S để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 con chung là Đoàn Kiến H, sinh ngày 30/9 2017. Cháu H ở chung với bà B từ nhỏ đến nay. Bà B có đủ điều kiện để chăm sóc cháu H. Bà B yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Bà B không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung.

Đối với bị đơn ông Đoàn Thanh S:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát không tổng đạt trực tiếp được các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Đoàn Thanh S. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập cho ông S theo hình thức niêm yết công khai tại nơi cư trú của bị đơn, trụ sở Ủy ban nhân dân phường nơi bị đơn cư trú và trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát đúng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông S không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn.

Tại Biên bản xác minh ngày 17/6/2022, Công an phường M cung cấp: Ông Đoàn Thanh S, sinh năm 1984, có đăng ký tạm trú tại Nhà trọ R, phòng ki-ô, đường DB9, khu phố 3, phường M, thị xã B, tỉnh B.

Tại Biên bản xác minh ngày 11/7/2022, đại diện Ban điều hành khu phố 3, phường M, thị xã B, tỉnh B cung cấp: Bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Đoàn Thanh S có cư trú tại nhà trọ Nhà trọ R, phòng ki-ô, đường DB9, khu phố 3, phường M, thị xã B, tỉnh B. Về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn thì không nắm rõ do không có ai trình báo về mâu thuẫn giữa bà B và ông S.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn: Bà B giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện, đề nghị cho bà B được ly hôn với ông S, yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con, bà B không tranh chấp về tài sản, nợ chung.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định

của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án. Đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về ly hôn; hiện ông Đoàn Thanh S có đăng ký tạm trú tại khu phố 3, phường M, thị xã B, tỉnh B. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông Đoàn Thanh S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa, tuy nhiên ông S vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà B và ông S tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh B vào ngày 04/11/2015 hôn nhân giữa bà B và ông S là hôn nhân hợp pháp.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà B trình bày mâu thuẫn giữa bà và ông S đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được nên bà B yêu cầu ly hôn với ông S.

Bị đơn ông S vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa và cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét thấy, ông S đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng ông S vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án, điều đó cho thấy ông S không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà B. Ông S không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà B và ông S đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần cho bà B được ly hôn với ông S để hai bên sớm ổn định cuộc sống. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà B là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà B và ông S có 01 con chung là Đoàn Kiến H, sinh ngày 30/9 2017. Cháu H ở chung với bà B từ nhỏ đến nay. Ông S không có ý kiến về vấn đề nuôi con chung xem như từ bỏ quyền nuôi con của mình. Xét thấy, việc tiếp tục giao con cho bà B nuôi là phù hợp. Bà B không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà B không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 227, 228, 147, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B đối với bị đơn ông Đoàn Thanh S về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc B được ly hôn với ông Đoàn Thanh S.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Đoàn Kiến H, sinh ngày 30/9/2017 cho bà Nguyễn Thị Ngọc B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Đoàn Thanh S không phải cấp dưỡng nuôi con do bà B không yêu cầu.

Ông S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Sau khi ly hôn, khi cần thiết bà B hoặc ông S có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà B không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu

tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005384 ngày 14/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THA dân sự thị xã Bến Cát;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện B, tỉnh B (khi có hiệu lực);
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Ngọc Bích